BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER
Số (Nº): **25KMC/203197**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status):* **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer):* **CÔNG TY TNHH SAMNON VIỆT NAM**

Địa chỉ *(Address):* **Số Nhà 17 Ngõ 79, Phố Yên Duyên, Tổ 1, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**

Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type):* **Xe nâng**

Nhãn hiệu *(Trade mark):* **KOMATSU**

Mã kiểu loại *(Model code):* **FB25-12**

Tên thương mại *(Commercial name):* **FB25**

Màu xe *(Vehicle color):* **Vàng**

Số khung *(Chassis Nº):* **M282102234**

Số động cơ *(Engine Nº):* **K43D1T4372**

Nước sản xuất *(Production country):* **JAPAN**

Năm sản xuất *(Production year):* **2017**

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date):* **106850460141/02/01/2025**

Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº):* **019390/24MC-083/003**

Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site):* **17/01/2025 / Thành phố Hà Nội**

Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection):* **019390/24MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass):*	**3920**	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H):*	**3595 x 1200 x 2155**	mm
Ký hiệu, loại động cơ điện *(Motor model, motor type):*	**HTI-ZFP, Điện xoay chiều**	
Loại ắc quy/điện áp-dung lượng *(Type of battery/voltage-capacity):*:	**Chì Axit/72 - 374**	V-Ah
Công suất lớn nhất của động cơ điện *(Max. motor rated power):*	**9,6**	kW
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max travelling speed):*	**16**	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Sức nâng lớn nhất theo thiết kế *(Max design lifting capacity)*:	**2400**	kg
Chiều cao nâng lớn nhất *(Max lifting height)*:	**3,0**	m
Vận tốc nâng lớn nhất khi có tải *(Max speeds lifting with load)*:	**15,6**	m/phút
Khoảng cách trục *(Wheel space)*:	**1550**	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circulars Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):
Số động cơ được ghi nhận theo số trên ê tơ két gắn vào động cơ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025
Cơ quan chứng nhận
(Certification body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Ký bởi: Cục Đăng kiểm Việt Nam
Email: vr@vr.org.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 20/01/2025 18:12:24

Đỗ Văn Kha

Ký bởi: Đỗ Văn Kha
Email: khavaq.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 20/01/2025 18:12:24

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp,...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...